# TỜ HƯỚNG DẪN 1 TRANG · CÂN TỶ LỆ A:B, KHUẤY ≤ 300 V/P, SANG 2 THÙNG VÀ ĐO WFT

Tờ ép plastic treo trạm cân pha sơn · Quy trình 6 bước EFS-05 · Đồng bộ JC-EFS-02, BM-EFS-04 & BM-EFS-05 · Cổng AT-03, AT-04

**Mã hướng dẫn:** WI-EFS-04
**Phiên bản:** v3.0 (20/11/2026)
**Tham chiếu:** BM-EFS-04, 05
**Định dạng:** Ép A4 / Trạm cân

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Thiết bị trạm cân** | Cân điện tử **0,1–1 g** · Cánh khuấy xoắn chậm **≤ 300 v/p** (RCD ≤ 30 mA) · Bộ 2 thùng sạch · Lược **WFT** | **Cổng kiểm soát** | **AT-03** & **AT-04** |

## 1. QUY TRÌNH 6 BƯỚC PHA TRỘN CHUẨN CHỐNG SỐNG NHỰA VÀ SÔI BỌT KHÍ (EFS-05 · JC-EFS-02) (Ghi đủ số lô & giờ lên BM-EFS-04)

| Bước | Công đoạn pha trộn chuẩn | Thao tác thực hành bắt buộc tại trạm cân đặt trên bạt chống tràn | Lỗi cấm & Ghi nhớ |
|---|---|---|---|
| **B1** | **Kiểm cân 0,1–1 g & Khuấy A 1p** | Kiểm chuẩn cân điện tử về 0 g bằng quả cân mẫu; ghi số lô A/B (lớp phủ cùng phòng dùng 1 số lô); khuấy riêng Thành phần A đúng **1 phút** đánh tan bột màu lắng đáy. | Đeo sẵn kem da + Nitrile ≥ 0,4 mm + kính + A1P2/A2P3. |
| **B2** | **Cân đúng khối lượng tỷ lệ A:B** | Ưu tiên pha nguyên bộ; nếu chia mẻ nhỏ buộc trừ bì thùng sạch và cân đúng tỷ lệ **khối lượng A:B** (g/kg) trên cân điện tử **0,1–1 g**, sau đó đổ hết B vào thùng A. | **CẤM đong bằng ca thể tích** hoặc ước lượng bằng mắt. |
| **B3** | **Khuấy xoắn ≤ 300 v/p (2–3 phút)** | Dìm ngập cánh khuấy lồng xoắn ốc sát đáy trước khi bấm chạy; giữ tốc độ chậm **≤ 300 vòng/phút** (tối đa 300–400 v/p) trong **2–3 phút**, rà đều sát thành và đáy thùng 1. | **CẤM khuấy > 500 v/p** hay nhấc cánh lên mặt sơn cuốn bọt. |
| **B4** | **Sang thùng 2 vét sạch & Khuấy 60s** | Rót dứt khoát sang **thùng thứ hai sạch hoàn toàn**, vét sạch thành đáy đúng phần sơn đã trộn (**0 cạo vết nhựa sống thành thùng 1 ra sàn**) và **khuấy lại 60 giây**. | Cấm mang thùng 1 ra đổ trực tiếp xuống mặt sàn. |
| **B5** | **Đổ trải ngay (0 ngâm thùng)** | Mang ngay thùng 2 đổ trải thành dải song song ra mặt sàn trong **≤ 3–5 phút** để giải phóng nhiệt phản ứng theo bảng pot life mục 2; đúc kèm mẫu cúc Shore D ≥ 6 mm. | Ngâm lâu trong thùng → **tỏa nhiệt sôi bọt, bốc khói, đóng đá**. |
| **B6** | **Đo lược WFT liên tục mỗi mẻ** | Đặt vuông góc **90° lược đo màng ướt WFT** ngay sau bàn cào/rulo tại 3 điểm/lô, đọc răng chạm sơn cuối và đối chiếu kg/m² thực tế lên phiếu BM-EFS-05. | Hụt WFT → chỉnh cỡ răng cào/tốc độ kéo ngay khi sơn còn ướt. |

## 2. TRA THỜI GIAN SỐNG (POT LIFE) THEO 3 DẢI NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỊNH MỨC WFT CHUẨN (EFS-02 · BM-EFS-05) (15–20 / 21–28 / 29–35 °C)

| Nhiệt độ nền & sơn | Thời gian sống | Cỡ mẻ trộn & Thao tác nhiệt | Quy đổi định mức & WFT (WFT = DFT / % rắn thể tích) |
|---|---|---|---|
| **15–20 °C** (Mát / Lạnh) | **40–55 phút**<br>Chuyển lớp 24–36h | Trộn 1–2 bộ/lượt; khuấy đủ 3p thùng 1 vì độ nhớt cao; canh ΔT ≥ +3 °C. | **Lót (EFS-06):** 0,15–0,25 kg/m² (lăn đều không đọng vũng)<br>**Lăn 3 lớp (EFS-07):** Phủ 0,25–0,50 kg/m² → DFT 200–400 µm |
| **21–28 °C** (Tối ưu) | **25–40 phút**<br>Chuyển lớp 12–24h | Trộn đúng 1 bộ chuẩn mỗi lượt; đổ trải trong ≤ 3p, tự san phẳng mịn nhất. | **Tự san phẳng (EFS-09):** 1,4–1,5 kg/m²/mm → WFT 1.000–3.000 µm<br>**Vữa 4–8 mm (EFS-10):** 8,0–16,5 kg/m² (~2,0 kg/m²/mm) |
| **29–35 °C** (Nắng hè) | **15–22 phút**<br>(Một số hệ 15–20p) | Giảm còn **0,5–1 bộ/lần**; che râm thùng, 0 ngâm quá 2p; **> 35 °C DỪNG TRỘN**. | **Đệm 3K (EFS-15):** 6–8 kg/m² cho dày 3,0–4,0 mm<br>**Quá cửa sổ 12–24h:** Chà nhám **P100–P120 + HEPA** trước phủ tiếp |

**4 LỆNH HỦY MẺ TRỘN & CẤM ĐỔ RA SÀN (BM-EFS-04 · AT-03, AT-04):** (1) Cân sai tỷ lệ khối lượng A:B, dùng ca đong thể tích hoặc bỏ bước sang thùng 2 khuấy lại 60 giây → **HỦY MẺ NGAY**; (2) Thùng sơn nóng ran, sủi bọt bốc khói hoặc đã sệt quá thời gian sống → **CẤM ĐỔ SÀN, KHÔNG PHA THÊM DUNG MÔI** (đưa ra chỗ thoáng chờ đóng rắn hoàn toàn rồi gom vào CTNH mã **08 01 11**); (3) Thiếu lược đo WFT tại tổ cào/lăn → **DỪNG TRỘN BỔ SUNG DỤNG CỤ**; (4) Đổ đè qua lớp lót/lớp giữa đã quá 24h chưa chà nhám P100–P120 → **CẤM PHỦ**.

| TỔ TRƯỞNG TRẠM CÂN TRỘN (BM-EFS-04) | KTV ĐO LƯỢC WFT & TỔ TRẢI SÀN (BM-EFS-05) |
|---|---|
| Đúng cân 0,1–1 g, khuấy A 1p, trộn ≤ 300 v/p 2–3p, sang thùng 2 vét sạch khuấy 60s, đổ trong pot life.<br>Ghi đủ số lô A/B, giờ trộn và giờ hết hạn mỗi mẻ vào Nhật ký **BM-EFS-04**. | Đã đo lược WFT 3 điểm/lô ngay sau cào/lăn, đối chiếu định mức kg/m² & đúc mẫu Shore D.<br>KTV & Đội trưởng ký BM-EFS-05: ..... |